

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày 09-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Tuấn

Bà Quách Thị Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Sơn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Hay - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Minh T, sinh ngày 12/9/2004 tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Đinh Thị Hồng T1; vợ con chưa có; tiền án không, tiền sự không, nhân thân không có án tích. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/5/2024 đến nay (bị cáo có mặt).

- Bị hại: Bà Phạm Thị U, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Việt H, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 06/3/2024 bị cáo Phạm Minh T đến nhà của ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị U (sống với nhau như vợ chồng) ngụ cùng ấp, mục đích để rủ con riêng của bà U là em Lý Tài L đi bắn chim. Khi đến nhà ông M thì ông M, bà U đi ruộng chưa về, em L còn đang ngủ, T kêu L thức dậy và đi vệ sinh cá nhân phía sau, lúc này T nhìn thấy túi xách để trên bàn và điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A30s, màu xanh đen để trên tủ tivi, T mở túi xách ra lấy số tiền 4.350.000 đồng và lấy điện thoại Samsung A30s bỏ vào túi quần rồi nói với L đi về nhà của T để T chở đi bắn chim.

Khi L đến thì T chở L đi bắn chim theo các tuyến đường thuộc xã L và xã L, huyện T. Khoảng 11 giờ 00 phút, T đi đến khu vực xã T, huyện M thì T dừng xe kêu L đứng đợi, còn T đi đến tiệm sửa điện thoại của ông Phạm Việt H, ngụ ấp K, xã T, huyện M để bán điện thoại Samsung A30s được 700.000 đồng, sau đó thì T chở L đi về nhà.

Số tiền T đã trộm cắp cùng với số tiền bán điện thoại Samsung A30s tổng cộng 5.050.000 đồng thì T dùng để mua ná thun, dây chun, bi sắt và loa nghe nhạc hết 1.624.000 đồng, tiêu xài cá nhân 2.350.000 đồng, còn lại 1.076.000 đồng thì T cất giữ.

Bà Phạm Thị U sau khi về phát hiện mất tài sản nhưng đến ngày 10/3/2024 mới trình báo sự việc đến Công an xã L, huyện T. Công an xã L đã mời T về làm việc thì T thừa nhận đã lấy tài sản của bà U, đồng thời tự nguyện giao nộp số tiền còn lại 1.076.000 đồng và các đồ vật đã dùng tiền của bà U mua được cho cơ quan Công an.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành trưng cầu định giá tài sản và tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định: 01 điện thoại di động hiệu S A30s, màu xanh đen có giá trị 900.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKSTT ngày 25/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị truy tố bị cáo Phạm Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Về trách nhiệm dân sự không xem xét do bị hại không yêu cầu. Xử lý vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng trong vụ án. Về án phí bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 11.076.000 đồng.

Bị hại bà Phạm Thị U đã nhận tiền bồi thường của bị cáo T số tiền 11.076.000 đồng và không yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, tại lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin lỗi bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Việt H. Xét thấy, quá trình điều tra ông H đã cung cấp lời khai cho cơ quan điều tra và việc vắng mặt không cản trở việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, biên bản hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở kết luận ngày 06/3/2024 bị cáo T có đến nhà của ông Nguyễn Văn M, bà Phạm Thị U, thuộc ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để tìm em Lý Tài L1 (con riêng của bà U) rủ đi bắn chim, lợi dụng lúc không có người trông coi tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại bà Phạm Thị U số tiền 4.350.000 đồng trong túi xách để trên bàn và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A30s màu xanh đen để trên tủ tivi qua định giá có giá trị 900.000 đồng. Tổng tài sản bị cáo trộm có giá trị 5.250.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo tuy mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo không được đi học, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này có chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo, nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo và tính khoan hồng của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[7] Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 cái loa hình chữ nhật màu rằn ri; 03 túi ni long đựng tổng cộng 226 viên bi hình cầu, bằng kim loại, đã được niêm phong; 01 ná thun bằng kim loại, trên thân có chữ “Táo thiện xạ” “KN” “66” trên đầu ná có gắn dây thun màu vàng, phần tay cầm có gắn sợi dây bằng vải màu đen (đã niêm phong); 12 bộ dây thun (màu vàng 10 bộ, màu xanh 01 bộ, màu trắng đục 01 bộ) đã niêm phong; 11 sợi dây thun (07 sợi màu vàng, 04 sợi màu trắng đục) đã niêm phong; 02 cuộn dây thun màu trắng dùng để liên kết dây thun với ná (đã niêm phong); 01 dụng cụ dùng để luồn dây thun của ná, một đầu bằng kim loại màu trắng, một đầu bằng dây da màu nâu (đã niêm phong). Xét thấy, các vật chứng trên bị cáo mua bằng tiền trộm của bị hại, tại phiên tòa bị cáo từ chối nhận lại, các vật chứng trên không có giá trị sử dụng nên căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên bố tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định pháp luật.

[10] Từ những phân tích nêu trên toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật, mức hình phạt, xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án ngày 09/8/2024.

Giao bị cáo Phạm Minh T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên bố tịch thu tiêu huỷ 01 cái loa hình chữ nhật, màu rằn ri (quân đội), có gắn thẻ nhớ, mặt sau có cái quai máng, mặt trước có hình tròn, bên trong hình tròn có chữ và số 2YE898, kích thước loa dài 12cm, rộng 3,5cm, cao 8,5cm (đã niêm phong); 03 túi ni long đựng tổng cộng 226 viên bi hình cầu, bằng kim loại, đã được niêm phong; 01 ná thun bằng kim loại, trên thân có chữ “Táo thiện xạ” “KN” “66” trên đầu ná có gắn dây thun màu vàng, phần tay cầm có gắn sợi dây bằng vải màu đen (đã niêm phong); 12 bộ dây thun (màu vàng 10 bộ, màu xanh 01 bộ, màu trắng đục 01 bộ) đã niêm phong; 11 sợi dây thun (07 sợi màu vàng, 04 sợi màu trắng đục) đã niêm phong; 02 cuộn dây thun màu trắng dùng để liên kết dây thun với ná (đã niêm phong); 01 dụng cụ dùng để luồn dây thun của ná, một đầu bằng kim loại màu trắng, một đầu bằng dây da màu nâu (đã niêm phong).

Hiện các vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
 - VKSND tỉnh Sóc Trăng;
 - Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
 - VKSND huyện Thạnh Trị;
 - Công an huyện Thạnh Trị
- (Cơ quan điều tra (01), Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ (01), CQTHAHS (01));
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
 - UBND xã Lâm Tân;
 - Bị cáo; Bị hại; NLQ;
 - Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nghiệp